

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thuộc UBND huyện**

Để triển khai thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và trên cơ sở Công văn số 492/TTr-PCTN ngày 10/11/2021 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2021; UBND huyện ban hành kế hoạch thực hiện công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ “về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị”; cõi đây là một trong những biện pháp, cơ sở quan trọng cho công tác kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

Việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 phải thực hiện đúng quy trình, thời gian, đầy đủ, trung thực; kiểm soát tài sản, thu nhập đảm bảo chặt chẽ; các hành vi sai phạm trong hoạt động kê khai tài sản, thu nhập phải bị xử lý nghiêm minh, theo quy định.

#### **II. ĐỐI TƯỢNG, THỜI ĐIỂM, NỘI DUNG KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2021**

##### **1. Đối tượng kê khai**

###### **1.1. Kê khai hàng năm**

Đối tượng thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hàng năm thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ gồm:

- Kế toán viên công tác tại UBND huyện và các cơ quan, đơn vị trực thuộc, UBND các xã, thị trấn.

- Thanh tra viên công tác tại Thanh tra huyện.

- Người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020.

###### **1.2. Kê khai bổ sung**

Đối tượng kê khai bổ sung: Những người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu nhưng không thuộc đối tượng kê khai hàng năm nêu trên thì thực hiện kê khai bổ sung khi có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có tổng giá trị từ 300.000.000đ trở lên so với lần kê khai trước đó (*tổng giá trị biến động trong năm là*

*bao gồm tất cả các tài sản, kể cả thu nhập trong năm (tăng hoặc giảm) cộng lại có giá trị từ 300.000.000đ trở lên.*

## **2. Thời điểm kê khai**

2.1. Đối với các đối tượng kê khai hàng năm (*có danh sách đã được UBND huyện phê duyệt*) và kê khai bổ sung tại mục 1, phần II Kế hoạch này: Việc kê khai, tài sản, thu nhập phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2.2. Trường hợp trong đợt kê khai tài sản, thu nhập lần đầu chưa thực hiện kê khai mà có lý do chính đáng thì phải bổ sung bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, nộp và lưu trữ theo quy định.

## **3. Nội dung kê khai**

### *3.1. Về thông tin tài sản phải kê khai*

Người kê khai phải ghi đầy đủ thông tin tài sản được kê khai như hướng dẫn tại Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP; Người kê khai không được thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung trong mẫu. Tài sản nào không có thì ghi “*không*”, không được để trống hoặc xóa bỏ khỏi bản kê khai.

*(có hướng dẫn kèm theo).*

### *3.2. Về biến động tài sản thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập:*

Người kê khai thực hiện kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm. Nếu không có tăng, giảm tài sản so với lần kê khai trước đó thì ghi “*không có biến động*” ngay sau tên của mục III của bản kê khai.

Nội dung kê khai tăng, giảm tài sản, người kê khai thực hiện kê khai theo hướng dẫn tại phần IV của phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ (*có hướng dẫn kèm theo*).

### *3.3. Nội dung kê khai cụ thể:*

Thực hiện kê khai hàng năm theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai tại Phụ lục I và kê khai bổ sung theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn tại Phụ lục II được ban hành tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

*(có Mẫu phụ lục I và phụ lục II kèm theo).*

**Lưu ý:** Đơn vị có thể tải file word biểu mẫu được đăng tải tại chuyên mục công tác PCTN trên trang thông tin điện tử của huyện: <http://krongpa.gialai.gov.vn>

## **III. VIỆC CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI**

### **1. Thời điểm công khai**

- Các đối tượng nêu tại mục 2, Phần II Kế hoạch này thực hiện công khai bản kê khai chậm nhất là **05 ngày** kể từ ngày cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai bàn giao bản kê khai cho Thanh tra tỉnh.

## **2. Hình thức kê khai**

Đơn vị tự lựa chọn 01 trong 02 hình thức kê khai thông qua cuộc họp cơ quan hoặc niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị.

- Bản kê khai của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện được niêm yết tại trụ sở UBND huyện hoặc công bố tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ công chức thuộc Văn phòng HĐND-UBND huyện.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc các phòng, ban của huyện, các trường được niêm yết tại trụ sở cơ quan, trường hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ công chức, viên chức.

- Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai thuộc UBND các xã, thị trấn được niêm yết tại trụ sở UBND xã, thị trấn hoặc công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ công chức xã, thị trấn.

**Lưu ý:** - Thời gian công khai niêm yết bản kê khai là 15 ngày. Vị trí niêm yết phải đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

- Cuộc họp công khai Bản kê khai phải đảm bảo có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM**

### **1. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm:**

- Hướng dẫn người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2021 đúng thời gian quy định; nộp 02 bản kê khai về UBND huyện (*qua Thanh tra huyện*) **trước ngày 01/01/2022** để tổng hợp, bàn giao bản kê khai cho Thanh tra tỉnh theo quy định.

- Tổ chức quán triệt, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức tự rà soát biến động về tài sản, thu nhập của mình trong năm 2021 để tự giác báo cáo với cơ quan, đơn vị lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bổ sung gửi về UBND huyện (*qua Thanh tra huyện*) chậm nhất ngày **19/11/2021**.

- Nếu cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn không thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đúng theo quy định. Thì người có nghĩa vụ kê khai và Thủ trưởng đơn vị sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

**2. Phòng Nội vụ huyện:** Phối hợp với Thanh tra huyện tổng hợp danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 theo quy định.

**3. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:** Có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc lãnh đạo các trường trực thuộc quản lý của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện triển khai thực hiện kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 theo đúng thời gian quy định.

**4. Phòng Văn hóa- Thông tin huyện:** có trách nhiệm đăng tải Kế hoạch này trên trang thông tin điện tử của huyện.

**5. Thanh tra huyện có trách nhiệm:**

- Tham mưu UBND huyện phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hàng năm và kê khai bổ sung theo quy định.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tiếp nhận, lưu trữ các bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo quy định.

- Bàn giao 01 bản kê khai (*kèm theo danh sách người có nghĩa vụ kê khai*) về Thanh tra tinh chậm nhất vào ngày **10/01/2022**.

- Đôn đốc, theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thuộc UBND huyện./. *HL*

*Nơi nhận:*

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



*Hồ Văn Thảo*

## Hướng dẫn

### I. Về nội dung kê khai:

#### a) Về thông tin tài sản phải kê khai:

Người kê khai phải ghi đầy đủ thông tin tài sản được kê khai như hướng dẫn tại Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP; Người kê khai không được thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung trong mẫu. Tài sản nào không có thì ghi “không”, không được để trống hoặc xóa bỏ khỏi bản kê khai. Đồng thời lưu ý một số nội dung sau:

- Về kê khai đối với quyền sử dụng đất: Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở; trường hợp này phần diện tích sẽ kê khai như sau: khai diện tích đất ở (tổng diện tích thửa đất, trong đó nêu rõ diện tích đất ở và diện tích các loại đất khác).

Ví dụ: Ông A có thửa đất gồm 200m<sup>2</sup> đất ở và 200m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thì kê khai diện tích trong mục đất ở như sau: 200m<sup>2</sup> (tổng diện tích 400m<sup>2</sup>, bao gồm 200m<sup>2</sup> đất ở và 200m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm).

- Về nội dung giá trị tài sản kê khai đối với nhà, đất, các công trình xây dựng khác và tài sản khác gắn liền với đất:

+ Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có).

+ Trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản.

+ Trường hợp tài sản được cho, tặng, thửa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thửa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”.

+ Trường hợp tài sản là đất và nhà mua chung thì khai phần trị giá tại thời điểm mua vào giá trị phần đất, còn giá trị của ngôi nhà thì khai “không xác định được giá trị vì tài sản mua chung với đất”.

+ Trường hợp không thể ước tính trị giá tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu, không có giao dịch đổi với tài sản tương tự hoặc tài sản thửa kế, cho, tặng,... thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do vì sao không xác định được giá trị.

#### - Về nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà:

+ Người kê khai cụ thể một số thông tin được thể hiện trong mẫu kê khai, ví dụ: Số AD 526351 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 23/5/2007. Cấp cho ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị B (trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người thì kê khai họ tên người đại diện).

+ Trường hợp thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

+ Trường hợp nhà không có giấy chứng nhận quyền sở hữu thì ghi “Không có giấy chứng nhận quyền sở hữu. Nhà được xây trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số... do UBND thành phố Pleiku cấp ngày....tháng....năm .... Cấp cho ông...., bà....”

+ Trường hợp nhà và đất có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất thì khai thông tin về giấy chứng nhận của phần đất và phần nhà.

+ Về nội dung mục “Thông tin khác (nếu có)”: Người kê khai phải ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng; tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như sau: Nhà đang sử dụng để ở, nhà đang cho thuê, nhà đang cho mượn hoặc nhà đang để trống không ai sử dụng,... Kê khai tương tự đối với phần đất như: Đất có nhà đang ở, đất có nhà đang cho thuê, đất đang cho

thuê, cho mượn, đất đang trồng cây ăn trái, đang trồng cây công nghiệp... hoặc đất đang để trồng không sử dụng; tài sản đang làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên; tài sản của người kê khai nhưng đứng tên người khác (ghi rõ cụ thể họ và tên, địa chỉ người đứng tên) hoặc tài sản người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế của người khác (ghi cụ thể họ và tên, địa chỉ người đứng tên),...

- Đối với vàng, kim cương, bạch kim và các loại đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Khai từng loại cụ thể, **ví dụ:** gia đình bà A có 01 bộ trang sức đá quý trị giá 30 triệu đồng, 05 chỉ vàng SJC trị giá 28 triệu đồng (tổng là trên 50 triệu đồng) thì bà A phải kê khai cụ thể những loại trang sức, vàng như trên.

- Đối với tiền (tiền Việt nam, ngoại tệ): Khai tổng số tiền hiện có (quy đổi ra tiền Việt Nam) với tổng giá trị từ 50 triệu trở lên; đồng thời kê khai cụ thể số lượng từng loại trong tổng số tiền trên như: Số tiền mặt; số tiền cho vay; số tiền trả trước (tiền người kê khai mua trả góp nhà, đất, xe ô tô, xe máy, ...); Số tiền gửi cá nhân; Số tiền gửi tại các tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

- Đối với các loại tài sản khác: Kê khai rõ số lượng, trị giá và một số thông tin khác liên quan thể hiện tại mẫu bản kê khai đối với từng loại tài sản. Trị giá tài sản là số tiền phải trả khi mua, nhận chuyển nhượng, giá được tính khi góp vốn, giá ước tính khi được cho, tặng, thừa kế. Lưu ý đối với tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký và một số tài sản khác (như đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tài sản khác...) nếu có trị giá mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên thì phải kê khai. **Ví dụ:**

+ Nếu có 01 xe mô tô trị giá 50 triệu đồng trở lên thì kê khai 01 xe; nếu có 02 xe mô tô trở lên mà tổng trị giá các xe mô tô từ 50 triệu đồng trở lên thì kê khai từng xe đối với tất cả các xe. Các loại xe gắn máy, xe máy cũng kê khai tương tự như đối với xe mô tô.

+ Nếu có 01 bộ bàn ghế trị giá 50 triệu đồng trở lên thì kê khai 01 bộ; nếu có 02 bộ bàn ghế trở lên mà tổng trị giá các bộ bàn ghế từ 50 triệu đồng trở lên thì kê khai từng bộ đối với tất cả các bộ bàn ghế. Kê khai tương tự như vậy đối với tài sản là đồ mỹ nghệ, bàn ghế, tranh ảnh, tài sản khác...

- Về tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: Kê khai tổng thu nhập tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày trước ngày kê khai; đồng thời kê khai cụ thể thu nhập từng người trong gia đình như mẫu kê khai (*Thu nhập bao gồm tất cả các khoản như: lương, tiền công, phụ cấp, trợ cấp, thường, thù lao, cho, tặng, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, tiền lãi cho vay - gửi tiết kiệm, các khoản thu nhập khác*). Trường hợp có các khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi số tổng vào phần các khoản thu nhập chung. Nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam.

#### **b) Về biến động tài sản thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập:**

- Người kê khai thực hiện kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm. Nếu không có tăng, giảm tài sản so với lần kê khai trước đó thì ghi “không có biến động” ngay sau tên của mục III của bản kê khai.

- Nội dung kê khai tăng, giảm tài sản, người kê khai thực hiện kê khai theo hướng dẫn tại phần IV của phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

\* **Lưu ý:** Mỗi bản kê khai tài sản, thu nhập được lập thành 02 bản; người kê khai ghi rõ thời gian, ký xác nhận từng trang và ký, ghi rõ họ và tên ở trang cuối cùng của mỗi bản kê khai.

## PHỤ LỤC I

**MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
*(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)*

### A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

**TÊN CƠ QUAN,  
ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2021** *(Ngày..... tháng..... năm..... )<sup>(2)</sup>*

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Chức vụ/chức danh công tác: .....
- Cơ quan/đơn vị công tác: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

##### 2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

##### 3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

###### 3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: ..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: .....  
ngày cấp..... nơi cấp .....

###### 3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

#### II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

##### 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

###### 1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

###### 1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: .....
- Diện tích<sup>(9)</sup>: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: .....
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: ..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

- 2.1.1. Nhà thứ nhất: .....
- Địa chỉ: .....
  - Loại nhà<sup>(14)</sup>: .....
  - Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: .....
  - Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
  - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
  - Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: ..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

**6.1. Cổ phiếu:**

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

**6.2. Trái phiếu:**

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

**6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:**

- Hình thức góp vốn: ..... Giá trị: .....
- Hình thức góp vốn: ..... Giá trị: .....

**6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:**

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....
- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....

**7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:**

**7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:**

- Tên tài sản: ..... Số đăng ký: ..... Giá trị: .....
- Tên tài sản: ..... Số đăng ký: ..... Giá trị: .....

**7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:**

- Tên tài sản: ..... Năm bắt đầu sở hữu: ..... Giá trị: .....
- Tên tài sản: ..... Năm bắt đầu sở hữu: ..... Giá trị: .....

**8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>.**

**9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>:**

- Tên chủ tài khoản: ..... , số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

**10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:**

- Tổng thu nhập của người kê khai: .....
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): .....

Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....

- Tổng các khoản thu nhập chung: .....

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): .....**

<b>Loại tài sản, thu nhập</b>	<b>Tăng<sup>(30)</sup>/giảm<sup>(31)</sup></b>		<b>Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập</b>
	<b>Số lượng tài sản</b>	<b>Giá trị tài sản, thu nhập</b>	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			

<p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>6.1. Cổ phiếu</li> <li>6.2. Trái phiếu</li> <li>6.3. Vốn góp</li> </ul> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ui, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>			
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

..... ngày....tháng....năm....

**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày....tháng....năm....

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

### I. GHI CHÚ CHUNG

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ phương thức kê khai theo quy định tại Điều 36 của Luật Phòng, chống tham nhũng (kê khai lần đầu hay kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ). Kê khai lần đầu thì không phải kê khai Mục III “Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm”, không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự các nội dung quy định tại mẫu này. Người kê khai phải ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. Người kê khai phải lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý mình (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và hoạt động công khai bản kê khai). Người của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai khi tiếp nhận bản kê khai phải kiểm tra tính đầy đủ của các nội dung phải kê khai. Sau đó ký và ghi rõ họ tên, ngày tháng năm nhận bản kê khai.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

### II. THÔNG TIN CHUNG

(3) Ghi số căn cước công dân. Nếu chưa được cấp thẻ căn cước công dân thì ghi số chứng minh thư (nhân dân/quân nhân/công an) và ghi rõ ngày cấp và nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

### III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, thôn, xóm, bản; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(9) Ghi diện tích đất ( $m^2$ ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thửa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thửa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

(12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(14) Ghi “căn hộ” nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi “nhà ở riêng lẻ” nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(15) Ghi tổng diện tích ( $m^2$ ) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.

(16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

(18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

(28) Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

#### **IV. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM**

(29) Kê khai tài sản tăng hoặc giảm tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ áp dụng với lần kê khai thứ hai trở đi. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là “Không có biến động” ngay sau tên của Mục III.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m<sup>2</sup> ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m<sup>2</sup> tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất			
1.1/Đất ở			
- Bán thửa đất B	- 100m <sup>2</sup>	500 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
- Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m <sup>2</sup>	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	+ 01 Số tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
- Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký	+ 01		
- Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55		1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu;</li> <li>- Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu;</li> <li>- Tiền bán thửa đất B được 4.000</li> </ul>

**PHỤ LỤC II**

**MẪU BẢN KÊ KHAI VÀ HƯỚNG DẪN VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG**  
*(Kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ)*

**A. MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP****TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG**  
**(Ngày.....tháng.....năm.....) <sup>(1)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG <sup>(2)</sup>****II. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM**

<b>Loại tài sản, thu nhập</b>	<b>Tăng <sup>(3)</sup>/giảm <sup>(4)</sup></b>		<b>Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập</b>
	<b>Số lượng tài sản</b>	<b>Giá trị tài sản, thu nhập</b>	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng khác: 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất: 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất là rừng trồng 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu

6.2. Trái phiếu

6.3. Vốn góp

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bộ bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, tiền điện tử, các loại tài sản khác...).

8. Tài sản ở nước ngoài.

9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai <sup>(5)</sup>.

### **III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(6)</sup>**

.....  
.....  
.....

### **B. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG**

(1) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

(2) Ghi như phần thông tin chung trong Mẫu bản kê khai tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

(3) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản tăng vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân tăng vào cột “nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(4) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột “số lượng tài sản”, ghi giá trị tài sản giảm vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột “Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập”.

(5) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai (xem ví dụ tại điểm 32 phần hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này).

(6) Ghi như mục II “Thông tin mô tả về tài sản” theo mẫu bản kê khai và hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này. Lưu ý chỉ kê khai về những tài sản mới tăng thêm, không kê khai lại những tài sản đã kê khai trước đó.